

Bản án số: 03/2023/HNGĐ-ST

Ngày: 12 - 6 - 2023

V/v “Ly hôn.”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH NINH BÌNH**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Sâm

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Đinh Trường S

2. Ông Đinh Mạnh Huy

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Ngọc Liên, Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Ninh Bình.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Ninh Bình tham gia phiên tòa: ông Phạm Văn Thịnh - Kiểm sát viên.

Ngày 12 tháng 6 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Ninh Bình xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 08/2022/TLST- HNGĐ ngày 05 tháng 10 năm 2022 về “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 04/2023/QĐXX-ST ngày 26 tháng 5 năm 2023 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Anh Trần Quang T, sinh năm 1964; địa chỉ: số 156, đường TV phố AK, phường ĐL, quận HA, thành phố Hải Phòng (vắng mặt, có đơn xin vắng mặt).

2. Bị đơn: Chị Nguyễn Thị Thanh Th (tên gọi khác Nguyễn Thị Th), sinh năm 1968; Nơi ĐKKHKT: thôn ĐKT, phường YB, thành phố Tam Điệp, tỉnh Ninh Bình. Nơi ở hiện nay: đang cư trú tại Đài Loan (vắng mặt, có đơn xin vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại các đơn khởi kiện, bản tự khai ngày 05 tháng 10 năm 2022, trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn anh Trần Quang T trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: anh Trần Quang T và chị Nguyễn Thị Thanh Th có được tự do tìm hiểu, tự nguyện và có đăng ký kết hôn ngày 20 tháng 9 năm 1991 tại Lãnh sự quán Việt Nam tại Odessa, Liên bang Nga (nay là cộng hòa Ucraina). Quá trình chung sống vợ chồng phát sinh mâu thuẫn do tính tình không hòa hợp. Sau thời gian chung sống tại nước ngoài, năm 2001 chị Th trở về Việt Nam sinh sống, không sang Ucraina nữa. Do mâu thuẫn vợ chồng từ trước và thời gian xa cách quá lâu nên tình cảm vợ chồng không thể

hàn gắn được. Năm 2003 khi anh T trở về Việt Nam thì hai vợ chồng đã thỏa thuận ly hôn, chia tài sản chung và nuôi con chung như đơn ly hôn mà chị Th đã viết gửi Tòa án nhân dân thành phố Hải Phòng. Nhưng vì lý do công việc anh T phải trở về Ucraina gấp nên chưa giải quyết xong thủ tục ly hôn, sau đó chị Th cũng giao con lại cho ông bà nội nuôi và sang làm việc sinh sống tại Đài Loan cho đến nay, vợ chồng vẫn liên hệ qua lại mạng xã hội một thời gian, thời gian gần đây không liên lạc nữa, chị Th không cung cấp địa chỉ chính xác của chị Th hiện nay đang cư trú tại Đài Loan, nên anh T không thể cung cấp địa chỉ của chị Th cho Tòa án được.

Nay anh T xác định tình cảm vợ chồng giữa anh T và chị Th thực sự không còn, vợ chồng sống ly thân đã lâu, không thể hàn gắn chung sống với nhau được nữa, nên anh T đề nghị Tòa án giải quyết cho anh T được ly hôn với chị Nguyễn Thị Thanh Th.

Về con chung: anh T và chị Th có 01 con chung là cháu Trần Công S, sinh ngày 21/4/1993, từ nhỏ cháu S đã ở với ông bà nội, hiện nay cháu S đã trưởng thành lập gia đình ra ở riêng. Do đó không đề nghị Tòa giải quyết.

Về tài sản chung và công nợ chung: vợ chồng đã tự phân chia tài sản xong từ năm 2003, nay không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại bản tự khai ngày 03 tháng 4 năm 2023 bị đơn chị Nguyễn Thị Thanh Th trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: chị Nguyễn Thị Thanh Th và anh Trần Quang T kết hôn với nhau vào ngày 20/9/1991, anh chị có được tự do tìm hiểu, tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại Odessa, Liên bang Nga (nay là cộng hòa Ucraina). Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hòa thuận hạnh phúc được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn là do bất đồng quan điểm sống, vợ chồng sống ly thân từ năm 2003 đến nay. Trong thời gian sống ly thân đến nay cả hai đều thấy tình cảm vợ chồng không còn, nên đã làm đơn thỏa thuận về việc ly hôn, tài sản và việc nuôi con. Tuy nhiên, khi đang giải quyết thì anh T lại đi nước ngoài, nên việc ly hôn chưa giải quyết xong. Nay chị Th xác định tình cảm vợ chồng không còn, không ai còn quan tâm đến ai, cả hai đều tự lo cho cuộc sống của mình, nay anh T làm đơn xin ly hôn, quan điểm của chị Th đồng ý ly hôn.

Về con chung: chị Nguyễn Thị Thanh Th và anh Trần Quang T có 01 con chung là cháu Trần Công S, sinh ngày 21/4/1993, hiện nay cháu S đã trưởng thành và lập gia đình riêng, nên không đề nghị Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung: chị Th không đề nghị Tòa án giải quyết, khi nào phát sinh tranh chấp về tài sản chị Th sẽ đề nghị Tòa án giải quyết bằng vụ án khác.

Về địa chỉ nơi cư trú của chị Th hiện nay, chị có thể cung cấp cho Tòa án biết là hiện nay chị Th đang sinh sống ở Đài Loan, còn địa chỉ cụ thể chị Th không thể cung cấp cho Tòa án được. Do điều kiện hiện nay chị Th không về Tòa án giải quyết vụ án ly hôn với anh T được, nên chị Th đề nghị Tòa án giải quyết vắng mặt tại các

buổi làm việc, các phiên tòa xét xử ở các cấp. Các văn bản giấy tờ của Tòa án gửi cho chị, chị Th uỷ quyền cho anh trai là Nguyễn Văn D, địa chỉ: phố ĐKT, phường YB, thành phố Tam Điệp, tỉnh Ninh Bình nhận và nộp thay cho chị Th.

Tại biên bản xác minh ngày 21/3/2023 tại UBND phường YB, thành phố Tam Điệp: Chị Nguyễn Thị Thanh Th có hộ khẩu thường trú tại phố ĐKT, phường YB, thành phố Tam Điệp, hiện nay chị Th đang làm ăn sinh sống tại Đài Loan.

Tại biên bản làm việc ngày 21/3/2023, biên bản làm việc ngày 25/5/2023 và đơn trình bày ông Nguyễn Văn D trình bày: ông là anh trai chị Nguyễn Thị Thanh Th. Bố, mẹ đẻ của chị Th hiện nay đều đã chết. Chị Th kết hôn với anh Trần Quang T, sinh năm 1964 quê ở Hải Phòng và có một con chung là Trần Công S, sinh năm 1993. Sau khi sinh cháu S được khoảng 3 đến 4 năm thì vợ chồng chị Th ly thân mỗi người mỗi nơi từ đó đến nay. Khoảng năm 2006 - 2007 vợ chồng chị Th có ý định ly hôn và đã làm đơn xin ly hôn nhưng chưa ra Tòa giải quyết ly hôn. Chị Th có hộ khẩu thường trú tại thôn ĐKT, phường YB cùng với bố là ông Nguyễn Văn Ch. Hiện tại chị Th đang làm ăn, sinh sống tại Đài Loan khoảng 5 đến 6 năm nay, từ khi đi chị Th có về thăm gia đình một lần, thời điểm bố chết năm 2022 chị Th không về được do dịch bệnh, mà chỉ thường xuyên liên lạc bằng điện thoại, mạng xã hội về với gia đình anh em; địa chỉ cụ thể chị Th ở Đài Loan như thế nào ông D không biết rõ, ông D có hỏi nhưng chị Th cũng không nói rõ, nên hiện nay ông D cũng không biết địa chỉ chính xác của chị Th ở Đài Loan. Hiện nay chị Th là bị đơn trong vụ án ly hôn với anh T do Tòa án đang giải quyết, chị Th không về Tòa án giải quyết được và có làm bản tự khai gửi từ Đài Loan về và uỷ quyền cho ông D đến Tòa án để nộp thay Bản tự khai của chị Th ngày 03/4/2023 và nhận các văn bản giấy tờ của Tòa án giao cho chị Th và ông D có trách nhiệm thông báo lại cho chị Th.

Tại văn bản số 10999/QLXNC ngày 15/5/2023 Cục quản lý xuất nhập cảnh - Bộ Công an cung cấp: chị Nguyễn Thị Th, sinh ngày 02/11/1968, đã xuất nhập cảnh 15 lần, xuất cảnh lần gần nhất vào ngày 15/7/2015, hiện nay chưa có thông tin nhập cảnh về nước. Theo quy định của Chính phủ, công dân khi xuất cảnh không phải khai mục đích và nước đến, nên không có thông tin về nước đến của trường hợp Nguyễn Thị Th theo đề nghị của Tòa án.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Ninh Bình phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của những người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án, đã tuân thủ, thực hiện đầy đủ, đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự; đối với các đương sự đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về quan điểm giải quyết vụ án đề nghị Hội đồng xét xử: Căn cứ Điều 56 luật Hôn nhân gia đình; Điều 147, Điều 227, Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, khoản 1 Điều 29 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 về án phí, lệ phí Tòa án.

Về quan hệ hôn nhân: chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Trần Quang T cho anh T được ly hôn với chị Nguyễn Thị Thanh Th; Về án phí dân sự sơ thẩm: anh Trần Quang T phải nộp án phí sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và ý kiến của Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền áp dụng pháp luật tố tụng:

Nguyên đơn anh Trần Quang T quốc tịch Việt Nam, địa chỉ: số 156, đường TV, tổ dân phố AK, phường DL, quận HA, thành phố Hải Phòng. Bị đơn chị Nguyễn Thị Thanh Th có quốc tịch Việt Nam, địa chỉ hiện đang sinh sống tại Đài Loan; địa chỉ thường trú trước khi xuất cảnh: thôn ĐKT, phường YB, thành phố Tam Điệp, tỉnh Ninh Bình. Căn cứ theo quy định tại khoản 1 Điều 28, khoản 3 Điều 35, Điều 37, điểm d khoản 1 Điều 469, điểm b khoản 1 Điều 470 của Bộ luật Tố tụng dân sự và các Điều 51, Điều 56, Điều 123, Điều 127 Luật Hôn nhân gia đình, nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân tỉnh Ninh Bình.

[2]. Về sự vắng mặt của đương sự tại phiên tòa:

Sau khi Tòa án nhân dân tỉnh Ninh Bình thụ lý vụ án, bị đơn chị Nguyễn Thị Thanh Th đã có bản tự khai ngày 03/4/2023 trình bày ý kiến quan điểm và xin xét xử vắng mặt về việc ly hôn. Ngày 05/10/2022 nguyên đơn anh T có đơn đề nghị Tòa án không tiến hành hòa giải và sớm đưa vụ án ra xét xử. Do đó theo quy định tại Điều 207 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án không tiến hành hòa giải. Ngày 05/10/2022 anh Trần Quang T có đơn đề nghị xin được xét xử vắng mặt. Căn cứ vào các đề nghị của nguyên đơn, bị đơn đều xin xét xử vắng mặt, nên theo quy định tại khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử T hành xét xử vắng mặt nguyên đơn anh Trần Quang T, bị đơn chị Nguyễn Thị Thanh Th theo quy định của pháp luật.

[3]. Về nội dung vụ án, yêu cầu xin ly hôn của nguyên đơn:

[3.1]. Về quan hệ hôn nhân: Anh Trần Quang T và chị Nguyễn Thị Thanh Th được tự do tìm hiểu, kết hôn trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn ngày 20 tháng 9 năm 1991 tại Lãnh sự quán Việt Nam tại Odessa, Liên bang Nga (nay là cộng hòa Ukraina). Hôn nhân giữa anh Trần Quang T và chị Nguyễn Thị Thanh Th là hôn nhân hợp pháp. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống hòa thuận hạnh phúc được một thời gian ngắn, thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn là do tính tình vợ chồng không hòa hợp, thường xuyên bất đồng quan điểm sống. Từ năm 2003 chị Th và anh T đã sống ly thân nhau mỗi người mỗi nơi không ai quan tâm đến ai, trên thực tế cuộc sống gia đình và quan hệ vợ chồng giữa anh T và chị Th là không có, anh T, chị Th đều xác định tình cảm vợ chồng thực sự không còn. Xét thấy anh T chị Th đã sống ly thân nhau từ năm 2003 cho đến nay, tình cảm vợ chồng thực sự không còn, không ai quan tâm đến cuộc sống của nhau. Hiện tại chị Th đang làm ăn sinh sống tại Đài Loan, anh T cư trú ở Việt Nam, đồng thời do xa cách về địa lý, vì vậy khả năng

đoàn tụ vợ chồng là không có. Do đó, có đủ cơ sở để khẳng định hôn nhân giữa anh Trần Quang T và chị Nguyễn Thị Thanh Th đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, nên yêu cầu xin ly hôn của anh Trần Quang T là có căn cứ, theo quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình. Do đó, cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của anh Trần Quang T.

[3.2]. Về con chung, tài sản chung, công nợ chung: Anh T, chị Th không đề nghị Tòa án giải quyết. Do vậy căn cứ khoản 1 Điều 5 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[4]. Về án phí dân sự sơ thẩm: anh Trần Quang T phải chịu toàn bộ án phí hôn nhân sơ thẩm theo quy định tại Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Các đương sự được quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.
Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ: các Điều 19, Điều 51, Điều 56, Điều 123, Điều 127 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 28, Điều 37, Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 235, Điều 469, Điều 470, Điều 471, Điều 474, Điều 477, Điều 478, Điều 479 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Trần Quang T về việc ly hôn đối với chị Nguyễn Thị Thanh Th.

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử lý hôn giữa anh Trần Quang T và chị Nguyễn Thị Thanh Th (tên gọi khác Nguyễn Thị Th).

2. Về con chung, tài sản chung, công nợ chung: anh Trần Quang T và chị Nguyễn Thị Thanh Th không đề nghị Tòa án giải quyết.

3. Về án phí dân sự sơ thẩm: anh Trần Quang T phải nộp án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm là 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng); được trừ vào số tiền tạm ứng án phí anh T đã nộp 300.000 đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2021/0000039 ngày 05/10/2022 tại Cục Thi hành án dân sự tỉnh Ninh Bình.

4. Án xử sơ thẩm công khai nguyên đơn anh Trần Quang T vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết. Bị đơn chị Nguyễn Thị Thanh Th vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 01 tháng kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành án theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân

sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6 Điều 7, Điều 7a và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- TAND Cấp cao tại Hà Nội;
- VKSND tỉnh Ninh Bình;
- Cục THA-DS tỉnh Ninh Bình;
- Phòng KTNV-THA;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu Tòa DS; phòng HCTP.

**TM/HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ
(đã ký)**

Trần Thị Sâm